

Bản án số: 41/2025/DS-ST

Ngày: 03/4/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Mỹ Phúc

2. Bà Đặng Ngọc Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 441/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐST-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Nguyễn Văn N, sinh năm 1948; địa chỉ khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

* **Bị đơn:** Trương Tấn P, sinh năm 1995; địa chỉ tổ B, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ tổ B, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/10/2024, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông Trương Tấn P và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng; bà T là con ruột của bà Lê Thị Á (bà Á là vợ sau của ông). Do có mối quan hệ như trên nên ông P đã lợi dụng sự tin tưởng của ông, từ đó ông P đã mượn (vay) của ông nhiều lần, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 8 năm 2021, ông P mượn số tiền 20.000.000đ, mục đích để mua xe mô tô, không có lãi, thời hạn thanh toán 01 năm; không có làm biên nhận;

- Lần 2: Khoảng tháng 7 năm 2024, ông P mượn số tiền 6.000.000đ, không có lãi, không thời hạn thanh toán; không có làm biên nhận;

- Lần 3: Khoảng tháng 8 năm 2024, ông P mượn số tiền 3.000.000đ, không có lãi, không thời hạn thanh toán; không có làm biên nhận;

- Lần 4: Khoảng tháng 9 năm 2024, ông đi khám bệnh ở Thành phố Hồ Chí Minh, lúc đó ông P kêu ông đưa tiền cho ông P để làm thẻ ATM và đưa mật khẩu cho ông. Tuy nhiên, khi rút tiền thì không có tiền trong tài khoản. Sau khi xuất viện về, con trai của ông có điện thoại cho P đem tiền xuống trả cho ông thì P cúp máy. Sau đó ông P và bà T đến nhà ông, đồng thời viết giấy nợ cam kết đến ngày 04/10/2024 sẽ trả cho ông 30.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền ông P mượn bằng 59.000.000đ. Nguồn gốc số tiền trên là do ông vay của người khác với lãi suất 5%/tháng. Nay ông đã lớn tuổi, bệnh tật thường xuyên rất cần tiền để chữa trị, do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông P, bà T trả lại cho ông số tiền gốc 59.000.000đ, tuy nhiên, hiện nay ông chỉ có chứng cứ chứng minh khoản nợ 30.000.000đ; còn 29.000.000đ thì chưa có chứng cứ chứng minh, nên ông chỉ yêu cầu ông P, bà T trả số tiền gốc 30.000.000đ, không yêu cầu tính lãi; đồng thời rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông P, bà T về việc đòi số tiền 29.000.000đ.

Bị đơn Trương Tấn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ về hợp đồng vay tài sản cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập hợp lệ ông P, bà T để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông P, bà T vẫn vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

[3] **Đối với khoản nợ 29.000.000đ, tại phiên tòa ông N xin rút lại yêu cầu.** Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông N là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] **Về nội dung:** Theo ông Nguyễn Văn N cho rằng vợ chồng ông Trương Tấn P, bà Nguyễn Thị T mượn (vay) của ông 04 lần với tổng số tiền

bằng 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng). Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy trong 04 lần vay tiền thì chỉ có một lần có biên nhận, có chữ ký của ông P, bà T với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Xét thấy, trong biên nhận ông P, bà T cam kết ngày 04/10/2024 sẽ trả tiền cho ông N, nhưng không có thỏa thuận lãi suất, cho nên đây là hợp đồng vay không có lãi nhưng có thời hạn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông P, bà T; thông báo cho ông bà biết việc ông N khởi kiện nhưng ông P, bà T không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật, không cần phải chứng minh, cho nên khẳng định ông P, bà T nợ ông N số tiền 30.000.000đ là có thật. Xét thấy, hợp đồng vay đã đến hạn mà ông P, bà T chưa trả tiền là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P, bà T trả số tiền gốc 30.000.000đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đối với tiền lãi: Ông Nguyễn Văn N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, nên buộc ông P, bà T chịu 1.500.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung

1.1. Buộc ông Trương Tấn P và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền gốc bằng 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); ông N không yêu cầu tiền lãi.

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn N về việc buộc ông Trương Tấn P và bà Nguyễn Thị T trả số tiền 29.000.000đ. Ông N được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí

Buộc ông Trương Tấn P, bà Nguyễn Thị T nộp 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nghĩa vụ thi hành án

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

Võ Tấn Thành